KYOCERA
Document Solutions

> PRINT > COPY > SCAN > FAX

ECOSY **M4125idn**
ECOSY **M4132idn**
ECOSY **M8124cidn**
ECOSY **M8130cidn**

SẢN PHẨM ĐA CHỨC NĂNG
ĐƠN SẮC/MÀU
KHỔ A4/A3

THIẾT KẾ MỚI
ĐỊNH NGHĨA MỚI

- **Thiết kế xuyên suốt giúp dễ sử dụng, dễ điều khiển và dễ làm dịch vụ.**
- **Hình ảnh chất lượng cao với độ phân giải in lên tới 1.200 x 1.200 dpi.**
- **Thời gian cho bản chụp đầu tiên nhanh.**
- **Màn hình cảm ứng màu 7 inch đẹp và rõ ràng (ECOSYS M4132idn và M8130cidn)**
- **Tốc độ quét nhanh lên tới 50/50 trang A4/phút (Cho cả bản màu và đen trắng).**
- **Thuận tiện với kết nối LAN không dây (Chọn thêm)**
- **Hỗ trợ Air Print và Mopria.**
- **Tuổi thọ vật tư cao mang lại sự hiệu quả và tin cậy.**
- **Thiết kế nhỏ gọn và độ ồn thấp.**

ECOSYS®

		THÔNG SỐ KỸ THUẬT			
Tên máy		**ECOSYS M8124cidn**	**ECOSYS M8130cidn**	**ECOSYS M4125idn**	**ECOSYS M4132idn**
Chức năng chính		Sao chụp, In, Quét. Fax (chọn thêm)			
Phương thức tạo ảnh		Laser bán dẫn			
CPU		ARM Cortex-A9 (Dual Core) 1.2GHz			
Tốc độ in (A4) (Đen trắng/Màu)		24/24 trang/phút	30/30 trang/phút	25/- trang/phút	32/- trang/phút
Tốc độ quét (A4) 300 dpi	1 mặt (Đen trắng/Màu)	50/50 trang/phút			
	2 mặt (Đen trắng/màu)	16/16 trang/phút			
Bộ nhớ (RAM)		Chuẩn 1,5 GB (Tối đa 3 GB)		Chuẩn 1 GB (Tối đa 3 GB)	
Dung lượng SSD		SSD 32 GB (Chọn thêm / SSD 128 GB (Chọn thêm)			
Thời gian sấy		30 giây hoặc ít hơn		20 giây hoặc ít hơn	
Dung lượng giấy	Chuẩn	600 tờ (1 khay gầm x 500 tờ + khay tay 100 tờ)			
	Tối đa	1.600 tờ (Máy chính + 2 khay của PF-471 x 500 tờ + khay tay)			
Khổ giấy	Khay gầm	Tối thiểu: A5R – Tối đa A3 (Ledger)			
	Khay tay	Tối thiểu: A6R – Tối đa A3 (Ledger)			
Định lượng giấy	Khay gầm	60 – 256 g/m²		60 – 163 g/m²	
	Khay tay	60 – 256 g/m²		45 – 256 g/m²	
In 2 mặt (Khổ giấy; Định lượng giấy)		A5R – A3; 60 – 220 g/m²		A5R – A3; 60 – 163 g/m²	
Dung lượng khay giấy ra		250 tờ + 30 tờ bộ tách tác vụ		250 tờ + 50 tờ bộ tách tác vụ	
Bàn điều khiển (LCD cảm ứng màu)		4,3 inch	7 inch	4,3 inch	7 inch
Bộ nạp và đảo bản gốc (DP)		Có sẵn (Sức chứa tối đa 50 tờ - Loại đảo mặt bản gốc)			
Kích thước (R x S x C) (Máy chính)		590 x 590 x 753 mm (Với DP)		590 x 590 x 688 mm (Với DP)	
Trọng lượng (Máy chính)		Khoảng 76 kg	Khoảng 79 kg	Khoảng 72 kg	Khoảng 74 kg
Tiêu thụ điện (Cấu hình chuẩn)	Chế độ hoạt động	510 W	580 W	390W	515 W
	Chế độ chờ	80W		55 W	60 W
	Chế độ tiết kiệm	0,5 W			
Độ ồn (IS07779/IS09296)	Chế độ hoạt động	53 db(A)	54 db(A)	49 db(A)	50 db(A)
	Chế độ chờ	34 db(A)			
		Chức năng Sao chụp			
Khổ giấy sao chụp		Tối thiểu: A6R – Tối đa A3 (Ledger)			
Độ phân giải		600 x 600 dpi			
Bản chụp đầu tiên (Đen trắng/Màu)		7,6/9,8 giây	6,5/8,3 giây	5,8/- giây	5,2/- giây
Phóng to / Thu nhỏ	Tùy chọn	25% - 400% (1% mỗi bước)			
	Định sẵn	5 mức thu nhỏ, 5 mức phóng to			
Sao chụp liên tục		1 - 999			
		Chức năng In			
Độ phân giải		600 x 600 dpi; 1.200 x 1.200 dpi			
PDL		PRESCRIBE, PCL6, KPDL3 (Postscript 3 compatible), XPS, PDF Direct Print Ver. 1.7			
Bản in đầu tiên (Đen trắng/Màu)		7,5/10,2 giây	6,5/8,3 giây	5,8/- giây	5,2/- giây
In mạng		TCP/IP, NetBEUI, FTP, Port 9100, LPR, IPP, IPP over SSL, WSD Print, Apple Bonjour			
Hệ điều hành hỗ trợ		Windows Server 2008, Windows Server 2008 R2, Windows Server 2012, Windows Server 2012 R2, Windows Vista, Windows 7, Windows 8, Windows 8.1, Windows 10; Apple Macintosh OS X 10.5 hoặc mới hơn; Linux			
Giao diện		USB 2.0 High Speed x 1; Ethernet 10BASE-T/100BASE-TX/1000BASE-T; USB Host Interface (USB Host) x 2; NFC TAG x 1; 802.11b/g/n / LAN không dây / WiFi trực tiếp (Chọn thêm)			
Định dạng in từ thẻ nhớ USB		TIFF, JPEG, PDF, XPS, Open XPS			
In di động		AirPrint, Mopria,KYOCERA Mobile Print			
		Chức năng Quét			
Lựa chọn màu		Màu tự động (Màu/Xám); Màu tự động (Màu/Đen trắng); Màu; Thang xám; Đen trắng			
Độ phân giải		600 dpi, 400 dpi, 300 dpi, 200 dpi, 200 x 400 dpi, 200 x 100 dpi			
Định dạng file		TIFF, JPEG, XPS, OpenXPS, PDF (High-compression PDF)			
Lựa chọn hình ảnh		Chữ, Ảnh, Chữ + Ảnh, Chữ nhạt (Đường kẻ)			
Kiểu quét		Quét vào SMB; Quét vào E-mail (SMTP, SMTP over SSL); Quét vào FTP hoặc FTP over SSL; Quét vào USB; TWAIN; WSD; WIA			
Địa chỉ lưu		200 địa chỉ (Danh sách địa chỉ chung), 50 nhóm (Danh sách địa chỉ nhóm chung)			
		Chức năng Fax (Chọn thêm)			
Khổ bản gốc		Tối thiểu: A5R – Tối đa A3 (Ledger)			
Phương pháp mã hóa		MMR, MR, MH, JBIG			
Tốc độ truyền		33,6 kbps			
Bộ nhớ		12 MB			
Fax mạng		Có			
		Vật tư tiêu hao và Bộ phận chọn thêm			
Hộp mực		TK-8110 (C/M/Y/K) CMY :6.000 trang; K :12.000 trang		TK-6110 K :15.000 trang	
Bộ vật tư thay thế (Trống, hộp từ, sấy...)		Cho máy: MK-8115 (A/B): 200.000 trang Cho DP: MK-6110: 300.000 trang		Cho máy: MK-6119: 300.000 trang Cho DP: MK-6110: 300.000 trang	
Hộp ghim		SH-10: Hộp ghim cho DF-470 (3 x 5.000 ghim)			
Khay giấy		PF-470: 500 tờ x 1 khay; PF-471: 500 tờ x 2 khay			
Bộ hoàn thiện (Chỉ lắp được cho ECOSYS M8130cidn/ECOSYS M4132idn)		DF-470: Bộ hoàn thiện dạng treo 500 tờ; AK-470: Bộ dẫn giấy cần lắp cùng DF-470			
Bộ phận Fax		Fax System 13			
Ổ cứng SSD		HD-6: SSD 32 GB; HD-7: SSD 128 GB			
Bộ bảo mật dữ liệu		Data Security Kit(E)			
Bộ quản lý bằng thẻ		Card Authentication Kit(B)			
Giao diện mạng tốc độ cao		IB-50: Dành cho mạng bổ sung			
Giao diện mạng không dây		IB-36: (802.11b/g/n / LAN không dây / WiFi trực tiếp)			

KYOCERA
Document Solutions

Blue Angel

KYOCERA Document Solutions Asia Limited

13/F, Mita Centre, 552-566 Castle Peak Road, Tsuen Wan, N.T., Hong Kong
Tel : +852-2496-5678 Fax: +852-2610-2063
www.kyoceradocumentsolutions.asia

* KYOCERA Document Solutions không đảm bảo rằng mọi đặc tính kỹ thuật được đề cập sẽ không bị sai số. Các thông số kỹ thuật được thay đổi mà không thông báo. Thông tin chính xác tại thời điểm phát hành. Tất cả các nhãn hiệu và tên sản phẩm có thể được đăng ký thương hiệuhoặc thương hiệu của chủ sở hữu được thừa nhận ở đây.